

Bản án số: 1399/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 703/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Hồng T, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường X, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Đăng K, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường X, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/4/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị Hồng T trình bày:

Bà T và ông Lê Đăng K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông K không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Bà T đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng

không có kết quả. Vì mâu thuẫn gia đình không thể giải quyết được nên ông bà đã sống ly thân mỗi người một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Lê V, sinh ngày 04/12/2007, Lê Mai Hồng N, sinh ngày 20/9/2020, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đăng K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Mai Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Lê Đăng K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào bản sao Trích lục kết hôn số 242/TLKH-BS ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Mai Thị Hồng T và ông Lê Đăng K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 23 tháng 11 năm 2007, do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào bản tự khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống chung và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, ông K không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông K không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung:

Xét yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 238/2007 ngày 13/4/2022 và bản sao Giấy khai sinh số 247/2020 ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà T và ông K có 02 con chung tên Lê V, sinh ngày 04/12/2007 và Lê Mai Hồng N, sinh ngày 20/9/2020. Xét thấy, trẻ V và trẻ N do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ V có nguyện vọng ở với mẹ, trẻ N dưới 36 tháng tuổi, là độ tuổi còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ, nên giao trẻ V và trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có lợi cho sự phát triển của các trẻ, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét

xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã đánh giá chứng cứ toàn diện và phân tích đúng nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật T hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Hồng T được ly hôn với ông Lê Đăng K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: giao 02 con chung Lê V, sinh ngày 04/12/2007 và Lê Mai Hồng N, sinh ngày 20/9/2020 cho bà Mai Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Mai Thị Hồng T không yêu cầu ông Lê Đăng K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Đăng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cận Tết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Mai Thị Hồng T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0044506 ngày 05/5/2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Thị Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THA DS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài